

Nội dung của trang này thuộc bản quyền của © **Bá tước Monte Cristo - Final Fantasy** và www.bantayden.com. Những bài viết trong này có thể được in ra để dùng với mục đích cá nhân và phi thương mại. Nếu bạn muốn phát hành lại trong trang web của bạn làm ơn liên lạc với tôi hoặc ít nhất phải trích dẫn lại nguồn là: **Bá tước Monte Cristo - Final Fantasy** và www.bantayden.com



Khi bạn làm việc với Adobe Photoshop và Adobe ImageReady, bạn sẽ thấy rằng thường thì có rất nhiều cách để hoàn thành một tác phẩm. Để tận dụng hết được những tính năng xử lý tuyệt vời của hai chương trình này, trước hết bạn phải nắm bắt được môi trường làm việc của nó

Trong bài học này bạn sẽ học được những điều sau:

- Mở một file Adobe Photoshop
- Mở, đóng và sử dụng File Browser để tìm và chọn một file.
- Chọn và sử dụng vài công cụ trong hộp công cụ
- Thiết lập tùy chọn cho công cụ và sử dụng thanh tùy biến công cụ.
- Sử dụng nhiều cách để phóng to và thu nhỏ hình.
- Chọn và tái sắp xếp vị trí các Palette.
- Chọn lệnh trong menu Palette và menu chữ.
- Mở và sử dụng Palette Dock trong nhóm Palette Well.
- Undo một thao tác để sửa lỗi hoặc chọn một thao tác khác.
- Nhảy từ Photoshop sang ImageReady.
- Tìm chủ đề trong Photoshop Help.
- Tự làm một "How to topic" và thêm nó vào Help Menu.

Bắt đầu làm việc với Adobe Photoshop

Môi trường làm việc của Adobe Photoshop và ImageReady bao gồm những menu lệnh ở phần trên của màn hình, rất nhiều công cụ và các Palette để chỉnh sửa và thêm các thành tố khác cho tấm hình. Bạn cũng có thể thêm lệnh và filter vào menu bằng cách cài đặt một phần mềm bên ngoài và được gọi là các Plug-in.

Cả Photoshop và ImageReady đều làm việc với ảnh bitmap, kỹ thuật số hoá (là dạng hình có màu liên tiếp đã được chuyển thành một loạt những ô vuông nhỏ được gọi là đơn vị Pixel). Trong Photoshop, bạn cũng có thể làm việc với hình đồ hoạ vector. Đồ hoạ vector là dạng hình được vẽ bởi các đường mềm mại và vẫn giữ được độ sắc nét khi phóng to hoặc thu nhỏ. Trong ImageReady, bạn có thể tạo ra các hiệu ứng di chuyển ví dụ như là hình động và hiệu ứng Rollover, để dùng trên trang web.

Bạn có thể tạo ra hình ảnh từ Photoshop và ImageReady, hoặc bạn có thể nhập hình ảnh vào từ một chương trình khác hoặc từ các nguồn như:

- Hình từ máy ảnh kỹ thuật số
- Hình được lưu lại từ các đĩa CD.
- Hình được scan.
- Hình được chụp từ video.
- Những hình được vẽ từ các phần mềm khác.

Khởi động Photoshop và mở một file

Để bắt đầu bạn sẽ khởi động Photoshop và huỷ bỏ những thiết lập mặc định.

Chú ý: Thường thì bạn không tự mình huỷ bỏ những giá trị mặc định. Tuy nhiên, khi bạn học cuốn sách này, bạn sẽ huỷ bỏ nó mỗi lần bạn khởi động Photoshop để bạn có thể có cùng một thiết lập với những lời hướng dẫn của chúng tôi.

1. Khởi động Photoshop và ngay lập tức nhấn Ctrl-Alt-Shift để huỷ bỏ những thiết lập mặc định.

2. Khi có 3 thông báo xuất hiện:

- Nhấn Yes để khẳng định rằng bạn muốn xoá tài liệu Adobe Photoshop Settings.
- Nhấn No để đóng thông báo lại.
- Nhấn Close để đóng màn hình chào mừng của Photoshop.

Môi trường làm việc của Photoshop xuất hiện tương tự như hình dưới.

Chú ý: Hình dưới đây là phiên bản Photoshop chạy trên hệ điều hành Mac OS. Ở Windows, sắp xếp của các bảng vẫn như nhau nhưng giao diện thì khác nhau.



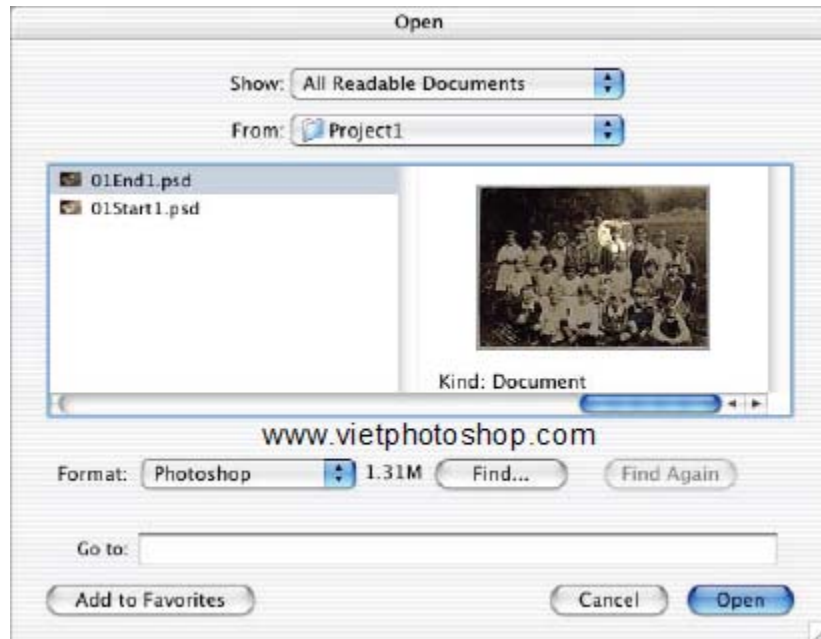
A: Thanh menu **B:** Thanh tùy biến công cụ **C:** Hộp công cụ **D:** File Browser **E:** Palette well **F:** Các Palette

Vùng làm việc mặc định của Photoshop và ImageReady bao gồm thanh menu nằm trên đỉnh, dưới nó là thanh tùy biến công cụ, một hộp công cụ nằm bên tay trái, những Palette nằm bên tay phải và cửa sổ hình ảnh nằm ở giữa.

Chú ý: Photoshop và ImageReady có rất nhiều Palette giống nhau, nhưng một vài Palette chỉ có trong Photoshop mà không có trong ImageReady và ngược lại. Bạn sẽ tìm hiểu thêm về những Palette khác nhau trong tất cả các bài học ở cuốn sách này.

3. Chọn File > Open và tìm đến Lesson1

4. Chọn file 01End.psd và nhấn Open.



5. hình 01End.psd mở ra trong cửa sổ riêng của nó, và cửa sổ này được gọi là "*cửa sổ hình ảnh*". Hình 01End.psd là kết quả của bài học này, do vậy bạn sẽ biết được bạn sẽ phải làm những gì trong quá trình học chương này. Đây là tấm hình rất cũ chụp cảnh trường học đã được chỉnh sửa để một học sinh trong số đó được tô sáng còn lại thì vẫn trong cảnh "chị Dậu".

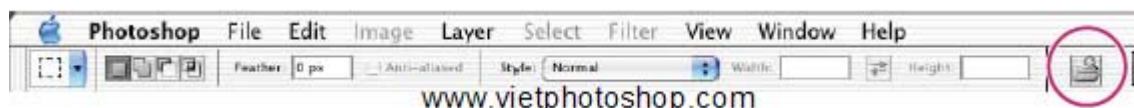
6. Chọn File > Close hoặc nhấn vào nút Close ở trên thanh tiêu đề để đóng cửa sổ hình lại.

Mở một file với File Browser

Trong cuốn sách này, ở mỗi chương bạn sẽ làm việc với một file bắt đầu khác nhau. Bạn có thể tạo ra các bản copy của file và lưu nó lại với một tên khác hoặc ở một thư mục khác. Trong bài học này bạn sẽ có 4 file bắt đầu, mỗi một file được dùng cho một phần khác nhau

Ở phần trước, bạn đã sử dụng cách thông thường để mở một file. Ở phần này bạn sẽ mở một file khác bằng cách sử dụng File Browser - một trong những tính năng của Photoshop giúp bạn không phải đoán mò đâu là tấm hình mình cần trong cả đồng hình ảnh

1. Nhấp vào nút File Browser trên thanh tùy biến công cụ.

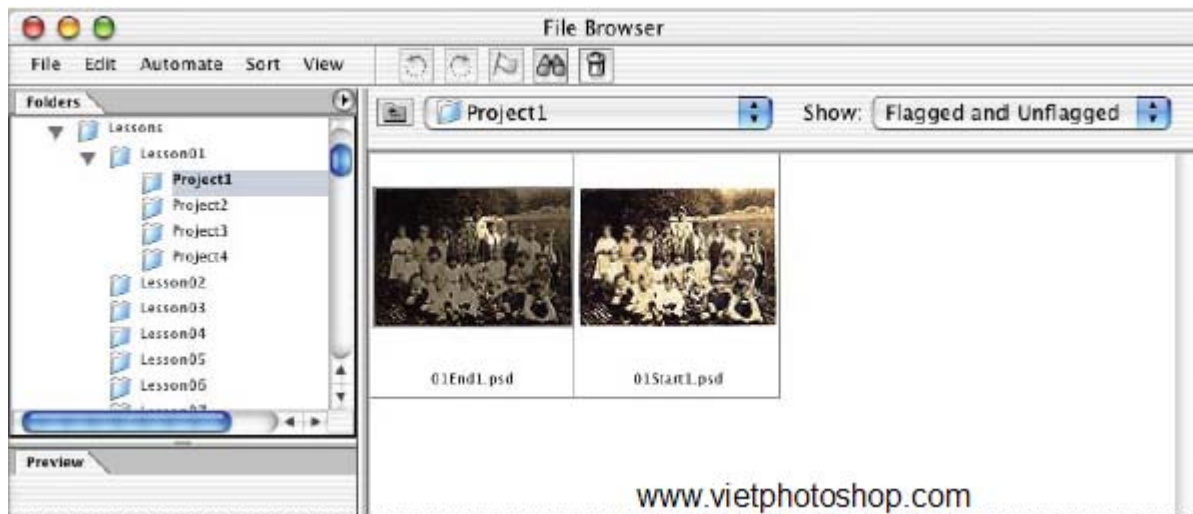


File Browser mở ra và hiển thị một loạt các Palette, menu, nút và các cửa sổ.

Chú ý: Bạn có thể mở File Browser bằng cách chọn File > Browse

2. Trong palette Folders nằm trong File Browser, tìm đến thư mục Lesson1 và chọn Project 1 nằm dưới nó.

Khi bạn chọn thư mục Project1, Hbt của nội dung thư mục đó xuất hiện ở cửa sổ bên phải của File Browser.



3. Chọn 01Start1.psd và mở nó bằng một trong 2 cách sau:

- Nhấp đúp vào Hbt của file 01Start1.psd
- Chọn Hbt của file 01Start1 sau đó ử dụng thanh menu nằm trong File Browser và chọn File > Open

Cửa sổ hình ảnh của file 01Start1 xuất hiện đằng trước File Browser.

4. Đóng File Browser lại bằng những cách sau:

- Nhấp vào nút Close trên thanh tiêu đề của File Browser.
- Chọn nút File Browser trên thanh tùy biến công cụ một lần để mang nó ra phía trước sau đó đóng nó lại
- Nhấp vào File Browser để mang nó ra phía trước và chọn File > Close ở thanh menu chính của Photoshop.

File Browser không chỉ đơn thuần là công cụ dùng để mở một tài liệu với giao diện rất trực quan. Bạn sẽ có cơ hội học thêm về những tính năng và chức năng của File Browser trong bài học kế tiếp "**Chương 2 - Cách sử dụng File Browser**"

Sử dụng công cụ

Cả hai chương trình Photoshop và ImageReady đều cung cấp một bộ công cụ rất mạnh mẽ dùng để tạo ra những hình đồ họa cho để in ấn hoặc trang trí cho các trang web. ImageReady bao gồm rất nhiều công cụ quen thuộc với người dùng Photoshop và một vài công cụ không có trong Photoshop. Chương 14 - 18 sẽ tập trung vào công cụ và tính năng của ImageReady.

Thực ra nếu để viết về sức mạnh của những công cụ trong Photoshop và những tính năng của nó, người ta có thể viết cả một chồng sách. Nếu có sách nhu thế thật thì đó là một nguồn tài liệu đáng giá để tham khảo, nhưng đó không phải là mục đích của cuốn sách này. Thay vào đó, bạn sẽ làm quen dần với các công cụ bằng cách làm việc với những ví dụ cụ thể. Mỗi một chương sách sẽ giới thiệu cho bạn những công cụ mới và cách để sử dụng chúng. Nếu bạn hoàn thành toàn bộ cuốn sách này, bạn sẽ có một kiến thức cơ bản vững chắc cho việc tự tìm hiểu các tính năng cũng như công cụ của Photoshop sau này.

Chọn và sử dụng công cụ từ hộp công cụ

Hộp công cụ (Tool Box) là một Palette dài và hẹp nằm bên trái môi trường làm việc bao gồm những hình biểu tượng của các công cụ như: công cụ lựa chọn, công cụ vẽ và chỉnh sửa, nền trước và nền sau, hộp chọn màu và công cụ quan sát hình.

Bạn sẽ bắt đầu với cách sử dụng công cụ Zoom, công cụ này cũng xuất hiện trong rất nhiều các ứng dụng, bao gồm những sản phẩm của Adobe như là: Acrobat, Illustrator, PageMaker và InDesign.

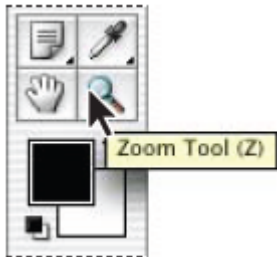
1. Quan sát thanh trạng thái ở phía dưới của môi trường làm việc và chú ý đến tỉ lệ phần trăm được liệt kê ở góc xa bên trái. Con số này biểu thị mức phóng to hoặc thu nhỏ của hình ảnh.



A: Mức Zoom B: Thanh trạng thái

Chú ý: trong Windows, thanh trạng thái xuất hiện ở phía dưới của môi trường làm việc của Photoshop.

2. Di chuyển con trỏ qua hộp công cụ và để nó nằm trên một biểu tượng chiếc kính lúp cho đến khi một dòng chữ xuất hiện, báo cho bạn biết tên của công cụ và phím tắt của công cụ đó.



3. Chọn công cụ Zoom bằng 1 trong 2 cách sau:

- Nhấn vào nút Zoom trong hộp công cụ.
- Nhấn Z là phím gõ tắt của công cụ Zoom

4. Di chuyển con trỏ qua cửa sổ hình ảnh. Bây giờ con trỏ sẽ biến thành hình chiếc kính lúp nhỏ và một dấu cộng ở tâm của chiếc kính.

Tấm hình sẽ được phóng lớn ở một tỉ lệ phần trăm định trước, và nó sẽ thay thế giá trị trước đây ở thanh trạng thái. Vị trí mà bạn nhấn chuột khi dùng công cụ Zoom sẽ trở thành tâm của góc nhìn được phóng lớn. Nếu bạn nhấp chuột thêm lần nữa, tấm hình sẽ được phóng lớn thêm một bậc nữa và có thể đến cực đại là 1600%.

6. Giữ phím Alt để công cụ Zoom xuất hiện dấu trừ (-) trong tâm của kính lúp, sau đó nhấp vào bất cứ chỗ nào của tấm hình. Bỏ nhấn phím Alt.

Bây giờ góc nhìn của bạn sẽ giảm đi theo một tỉ lệ phóng đại định trước. Quan sát tấm hình và quyết định cậu bé nào bạn sẽ chọn để thêm điểm sáng vào.

Chú ý: Có những cách khác để phóng to một tấm hình. Bạn có thể chọn chế độ Zoom In hoặc Zoom Out trên thanh tùy biến công cụ. Bạn có thể chọn View > Zoom In hoặc View > Zoom Out. Hoặc bạn có thể gõ một tỉ lệ phần trăm thấp hơn hoặc cao hơn vào thanh trạng thái.

7. Sử dụng công cụ Zoom, kéo một hình vuông bao trùm lấy vùng của hình có hình cậu bé nào mà bạn muốn thêm điểm sáng.

Tấm hình được phóng lớn và vùng mà bạn vừa tạo hình vuông sẽ che phủ toàn bộ màn hình.



Bạn vừa rồi đã thử vài cách để phóng lớn hình bằng công cụ Zoom như là: nhấp chuột, giữ phím gõ tắt khi nhấp chuột và kéo để xác định một vùng cần phóng đại. Rất nhiều công cụ khác trong hộp công cụ có thể sử dụng được tổ hợp phím tắt. Bạn sẽ có cơ hội để sử dụng những tính năng này trong những bài học sau của cuốn sách.

Chọn và sử dụng công cụ ẩn

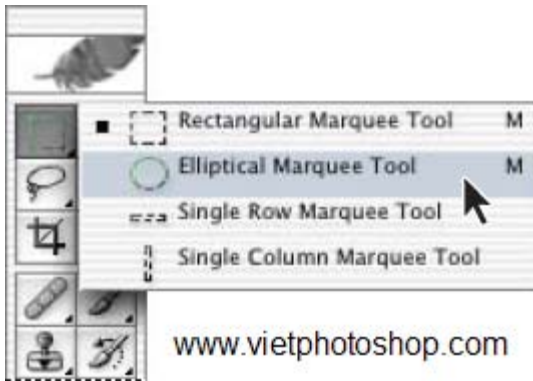
Photoshop có rất nhiều công cụ mà bạn có thể dùng để chỉnh sửa một tấm hình, nhưng có khi bạn chỉ làm việc với vài công cụ trong một lúc. Hộp công cụ sắp xếp vài công cụ trong một nhóm, với chỉ một công cụ đại diện cho cả nhóm. Còn lại số công cụ khác được ẩn dưới nó.

Một tam giác nhỏ ở góc phía dưới bên phải của một biểu tượng bất kỳ chỉ cho bạn biết rằng đằng sau nó còn có những công cụ ẩn khác.

1. Đặt con chuột lên phía trên bên trái của hộp công cụ cho đến khi chữ hiện ra chỉ cho bạn biết đó là công cụ Rectangular Marquee với phím gõ tắt là M. Chọn công cụ đó.

2. Chọn Elliptical Marquee được ẩn đằng sau Rectangular Marquee, sử dụng những cách sau đây:

- Giữ chuột trên công cụ Rectangular Marquee cho đến khi một danh sách các công cụ ẩn hiện ra, chọn công cụ Elliptical Marquee



- Alt-Click vào nút công cụ trên hộp công cụ để có thể thay đổi những công cụ ẩn cho đến khi công cụ Elliptical Marquee được chọn.
- Nhấn Shift-M, là cách để chuyển qua lại giữa hai công cụ Rectangular và Elliptical Marquee.

3. Di chuyển con trỏ qua cửa sổ hình ảnh, để con trỏ biến thành hình dấu cộng và di chuyển nó lên phần phía trên bên trái đầu của cậu bé.

4. Kéo con trỏ xuống phía bên phải để tạo thành một hình elip bao quanh cậu bé và sau đó nhả chuột. Một đường viền mờ chỉ ra rằng vùng nằm trong nó được chọn. Khi bạn chọn một vùng, vùng đó sẽ trở thành vùng duy nhất có thể chỉnh sửa được. Những vùng nằm ngoài vùng lựa chọn được bảo vệ.



5. Di chuyển con trỏ vào bên trong vùng lựa chọn bạn vừa tạo, con trỏ sẽ biến thành một hình mũi tên với một hình vuông nhỏ ở dưới.

6. Kéo vùng lựa chọn để cho nó vào đúng tâm của hình.



Khi bạn kéo vùng lựa chọn, chỉ mỗi đường viền của vùng lựa chọn được di chuyển chứ không phải tấm hình. Khi bạn muốn di chuyển những đơn vị Pixel nằm trong vùng lựa chọn, bạn phải sử dụng một cách khác mà bạn sẽ học được ở phần dưới. Bạn sẽ biết rõ ràng và cụ thể hơn về các công cụ lựa chọn và di chuyển một vùng lựa chọn trong chương 4 của cuốn sách này "Làm việc với vùng lựa chọn".

Sử dụng tổ hợp phím tắt với tác động của công cụ

Rất nhiều công cụ chịu ảnh hưởng bởi phím tắt. Bạn thường kích hoạt chế độ này bằng cách giữ một phím nào đó trên bàn phím khi bạn di chuyển công cụ với chuột. Một vài công cụ có các chế độ cho bạn chọn trên thanh tùy biến công cụ.

Phần tới của bài học là bạn sẽ bắt đầu chọn cậu bé. Nhưng lần này, bạn sẽ sử dụng kết hợp với phím tắt để ép vùng lựa chọn elip thành một hình tròn mà bạn sẽ vẽ từ trong ra thay vì từ ngoài vào.

1. Chọn công cụ Elliptical Marquee trong hộp công cụ, và bỏ chọn vùng lựa chọn hiện tại bằng những cách sau:

- Trong cửa sổ hình ảnh, nhấp vào bất cứ vùng nào ngoài vùng lựa chọn.
- Chọn Select > Deselect.
- Sử dụng phím tắt, Ctrl-D

2. Đặt con trỏ ở giữa mặt cậu bé.

3. Giữ phím Alt và kéo một hình tròn từ tâm ra ngoài mặt cậu bé sao cho vòng tròn bao phủ hoàn toàn mặt của cậu bé.



4. Nhấn chuột trái sau đó bỏ nhấn phím Alt.

Nếu bạn không hài lòng với vùng lựa chọn, bạn có thể di chuyển nó: đặt con trỏ vào trong vòng tròn và kéo hoặc bạn có thể nhấp vào một vùng bất kỳ bên ngoài vùng lựa chọn để bỏ chọn sau đó thử lại.

Chú ý: Nếu bạn chẳng may nhấn chuột hơi sớm, công cụ sẽ trở lại trạng thái bình thường (không bị ép và vẽ từ ngoài vào). Tuy nhiên, nếu bạn chưa nhấn chuột, bạn có thể giữ lại phím tắt và vùng lựa chọn sẽ lại thay đổi lại. Nếu bạn đã nhấn chuột, thì bắt đầu lại từ bước 1.

5. Trong hộp công cụ, nhấn đúp vào công cụ Zoom để trở lại góc nhìn 100%. Nếu tấm hình không vừa với cửa sổ hình ảnh bạn có thể chọn Fit In Screen trên thanh tùy biến công cụ.

Bạn hãy để ý là vùng lựa chọn vẫn còn ngay cả khi bạn sử dụng công cụ Zoom.

Áp dụng những thay đổi cho vùng được chọn

Để làm cho cậu bé được chọn sáng lên, bạn sẽ làm tối đi những vùng còn lại chứ không phải là vùng nằm trong vùng lựa chọn. Bởi vì vùng nằm trong vùng lựa chọn được bảo vệ khỏi những thay đổi, bạn sẽ nghịch đảo vùng lựa chọn, để những phần còn lại của tấm hình sẽ có thể chỉnh sửa được và mặt cậu bé được chọn được bảo vệ khỏi những thay đổi sắp tới.

1. Chọn Select > Inverse

Mặc dù vùng lựa chọn vẫn không có gì thay đổi khi bạn dùng lệnh Inverse, tuy nhiên khi bạn để ý đến vùng quanh tấm hình cũng sẽ xuất hiện một đường viền mờ như vậy. Bây giờ toàn bộ phần còn lại của tấm hình đã được chọn và có thể được chỉnh sửa, nhưng phần hình nằm trong vùng lựa chọn thì không được chọn và không bị thay đổi khi vùng lựa chọn vẫn còn.



A: Vùng được chọn (có thể chỉnh sửa được) **B:** Vùng không được chọn (được bảo vệ)

2. Chọn Image > Adjustment > Curves



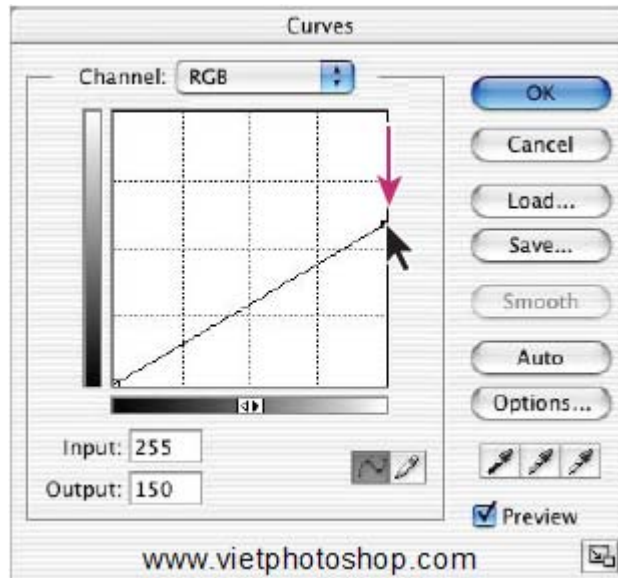
Phím gõ tắt cho lệnh này là Ctrl-M xuất hiện ở gần tên lệnh trong menu phụ Adjustment. Sau này, bạn chỉ cần nhấn tổ hợp phím đó để mở hộp thoại Curve.

3. Trong hộp thoại Curve, đánh dấu vào hộp kiểm Preview. Nếu cần, kéo hộp thoại Curve sang một bên để bạn có thể nhìn thấy toàn bộ hoặc phần lớn tấm hình.

Lựa chọn Preview cho bạn thấy trước những tác động của lệnh Curve đến vùng lựa chọn ngay trên cửa sổ hình ảnh. Như vậy nó có thể giúp bạn không cần phải mở đi mở lại hộp thoại Curve để thử các lựa chọn khác nhau.

4. Kéo điểm điều khiển ở phía góc trên bên phải của đồ thị thẳng xuống đến khi giá trị trong ô Output khoảng 150. (Giá trị Input không được thay đổi).

Khi bạn kéo, tấm hình của bạn sẽ tối dần trong vùng lựa chọn của hình ảnh.



Khi bạn nhấn vào điểm điều khiển, thì giá trị Output ở dưới cùng của hộp thoại cho phép bạn gõ số vào hoặc bạn có thể kéo để thay đổi giá trị. Để kéo, di chuyển con chuột qua chữ Output, con trỏ chuột của bạn sẽ biến thành mũi tên hai đầu. Kéo sang trái của chữ Output để giảm giá trị và sang phải để tăng giá trị. Kiểu kéo này rất nhiều lựa chọn của Photoshop và cả ImageReady đều có trong thanh tùy biến công cụ, trong Palette và trong hộp thoại.

5. Kiểm tra kết quả trong cửa sổ hình ảnh và sau đó điều chỉnh giá trị trong ô Output cho đến khi bạn hài lòng với kết quả.

6. Nhấn OK để đóng hộp thoại Curve lại.

7. Sau đó làm những việc sau:

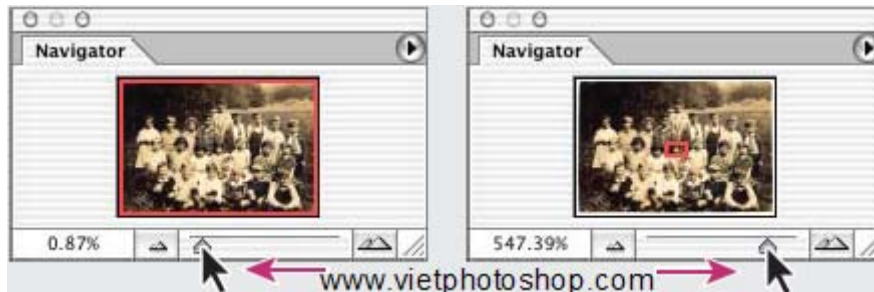
- Nếu bạn muốn lưu lại thay đổi, chọn File > Save và sau đó chọn File > Close.
- Nếu bạn không muốn thay đổi thì đóng tài liệu lại bằng cách chọn File > Close và chọn No khi một thông báo xuất hiện.
- Nếu bạn muốn cả hai, thì chọn > File > Save As và đặt lại tên cho file đó hoặc lưu nó trong một thư mục khác trên máy của bạn. Nhấn OK và chọn File > Close

Vậy là bạn đã hoàn thành phần đầu tiên của của bài học. Mặc dù hộp thoại Curve là một trong những phương pháp rất tinh tế để thay đổi một tấm hình, nhưng nó lại hoàn toàn rất dễ sử dụng như bạn thấy. Bạn sẽ học thêm nhiều cách hơn để thay đổi một tấm hình trong những bài học khác của cuốn sách này. Chương 3 và 7 sẽ đặc biệt tập trung vào những kỹ năng xử lý ảnh trong phòng tối của các nhà nhiếp ảnh như là điều chỉnh độ lộ sáng, chấm sửa ảnh và cân bằng màu sắc.

Thử một cách khác để phóng to và kéo một tấm hình

Navigator Palette cũng là một cách khá nhanh để phóng to một tấm hình, đặc biệt là khi tỉ lệ phóng to chính xác không thực sự là vấn đề bạn quan tâm. Nó cũng là một cách để kéo và xem toàn bộ tấm hình, bởi vì hình biểu tượng thu nhỏ cho bạn thấy chính xác phần nào của tấm hình đang xuất hiện ở cửa sổ hình ảnh.

Thanh trượt nằm dưới tấm hình trong Navigator Palette phóng to tấm hình khi bạn kéo sang phải (gần về phí biểu tượng quả núi lớn) và thu nhỏ khi bạn kéo sang phải.



Đường bao quanh màu đỏ cho bạn biết vùng đó của tấm hình sẽ xuất hiện trong cửa sổ hình ảnh. Khi bạn phóng đủ lớn để cửa sổ hình ảnh chỉ hiển thị một phần của tấm hình, bạn có thể kéo đường viền đó xung quanh hình biểu tượng thu nhỏ để quan sát những vùng khác của tấm hình. Đây cũng là một cách thức tuyệt vời để xác định vùng nào của tấm hình bạn đang làm việc khi bạn phải thao tác một tấm hình cần độ phóng đại rất lớn.

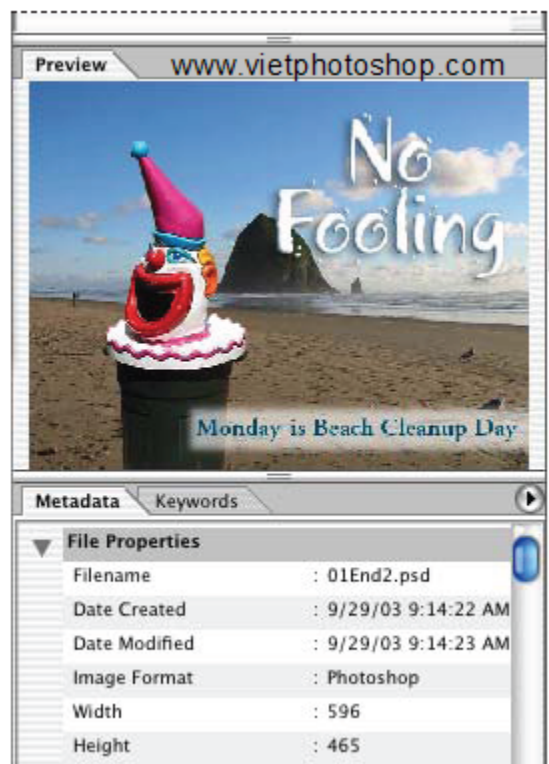
**Sử dụng thanh tùy biến công cụ và những Palette khác**

Bạn có nhận ra rằng mình đã có một ít kinh nghiệm với thanh tùy biến công cụ không? Trong phần trước của bài học, bạn đã nhìn thấy những tùy chọn trên thanh tùy biến công cụ của công Zoom, nó làm thay đổi tầm nhìn của một tấm hình trong cửa sổ hình ảnh. Bạn cũng có thể sử dụng nút File Browser luôn luôn xuất hiện trên thanh tùy biến phụ thuộc vào công cụ nào đang được chọn.

Xem trước và mở một file khác

Trong phần tiếp theo của bài học, bạn sẽ làm một tấm bưu thiếp. Bạn sẽ lại sử dụng File Browser để xem trước kết quả và biết mình sẽ phải làm gì.

1. Chọn nút File Browser trên thanh tùy biến công cụ để mở File Browser.
 2. Trong File Browser Palette, chọn Lesson/Project2.
 3. Chọn file 01End2.psd trong cửa sổ Thumbnail để nó xuất hiện trên Preview Palette.
- Xem qua tấm hình và chú ý đến vùng chữ được ghi trên nền trắng dọc theo phần dưới của tấm hình.



Bạn có thể kéo thanh cuộn dọc nằm giữa cửa sổ Thumbnail và 3 Palette còn lại bên tay trái để chỉnh lại kích thước. Kéo nó sang bên phải để mở rộng tấm hình trong Preview Palette và bạn có thể nhìn tấm hình rõ ràng hơn. Bạn cũng có thể kéo thanh cuộn ngang lên trên và xuống dưới Preview Palette để làm nó cao hơn hoặc ngắn hơn.

4. Chọn hình biểu tượng của file 01Start.psd và mở nó ra trong Photoshop bằng cách nhấp đúp vào nó hoặc chọn File > Open trên thanh menu của File Browser.
5. Nhấp vào File Browser để mang nó ra phía trước và đóng nó lại.

Thiết lập thuộc tính công cụ trên thanh tùy biến công cụ

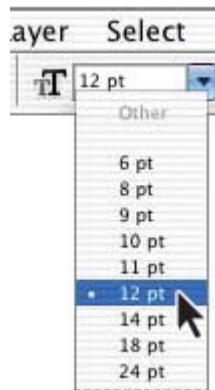
Với hình 01Start2.psd được mở ra trong Photoshop, bạn đã sẵn sàng để chọn kiểu chữ và gõ những gì bạn muốn.

1. Trong hộp công cụ chọn công cụ Type (T).

Các nút và menu trong thanh tùy biến công cụ bây giờ đều liên quan đến công cụ Type.

2. Trong thanh tùy biến công cụ, làm những việc sau:

- Chọn một kiểu font bạn muốn từ menu xổ xuống. (Chúng tôi sử dụng font Adobe Garamond nhưng bạn có thể chọn font nào bạn muốn)
- Chọn cỡ chữ là 12 Pt. Bạn có thể sử dụng menu xổ xuống như hình dưới hoặc gõ trực tiếp vào ô cỡ chữ hoặc bằng cách kéo chữ Font như bạn làm với hộp thoại Curve.



3. Nhấp vào một vùng bất kỳ ở bên trái của tập hình và gõ **Monday is Beach Cleanup Day**.



Chữ sẽ xuất hiện với font và kích thước như bạn chọn ở bước trên.

4. Trong hộp công cụ, chọn công cụ Move ở phía trên cùng góc bên phải của hộp công cụ.

5. Di chuyển con trỏ qua chữ bạn vừa gõ và kéo layer chữ đó xuống vùng màu trắng ở phía dưới của tấm hình, đặt cho nó vào giữa của nền trắng đó.



Sử dụng Palette và Palette Menu

Màu của chữ trong hình của bạn có cùng màu với màu của nền trước trong hộp công cụ, bây giờ đang là màu đen và là màu mặc định. Chữ trong hình kết quả là màu xanh đậm và nó kết hợp rất hài hoà với toàn bộ tấm hình. Bạn sẽ tô màu cho chữ bằng cách chọn nó và sau đó chọn một màu khác.

1. Trong hộp công cụ chọn Type Tool (T)
2. Kéo công cụ Type từ bên trái của chữ sang phía bên phải để chọn nó.

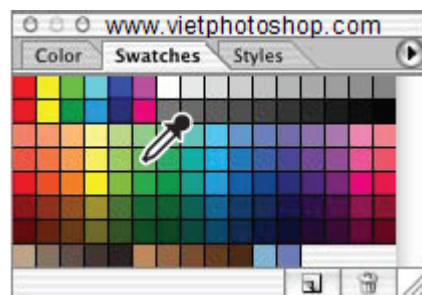


3. Trong nhóm Color palette, chọn thẻ Swatches Palette để mang nó ra phía trước.



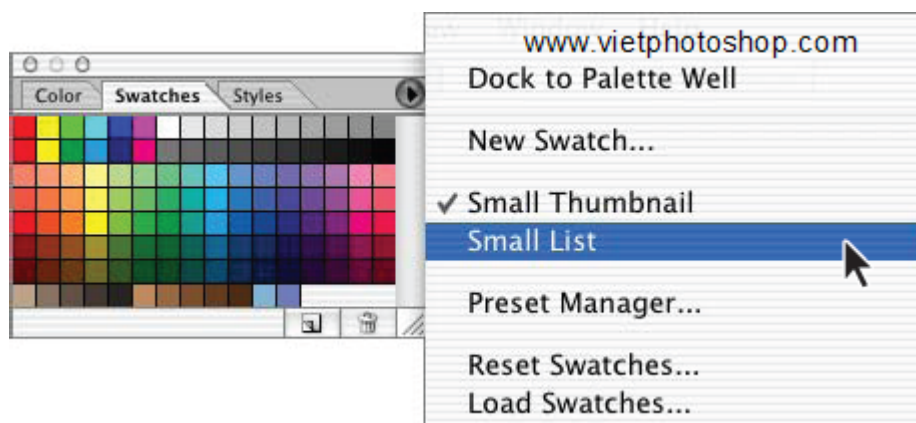
4. Chọn bất cứ một mẫu màu nào, để màu đó xuất hiện trong ba chỗ: trong ô màu nền trước của hộp công cụ, trong ô màu của chữ trên thanh tùy biến công cụ và trong chữ mà bạn gõ trong cửa sổ hình ảnh. (Chọn bất cứ công cụ nào trong hộp công cụ để bỏ chọn chữ do vậy bạn có thể nhìn thấy màu bạn vừa chọn).

Chú ý: Khi bạn di chuyển con trỏ qua các ô màu, nó sẽ tạm thời chuyển thành Eyedropper (chọn màu). Đặt đầu của công cụ chọn màu vào ô màu nào bạn muốn và nhấp chuột để chọn.



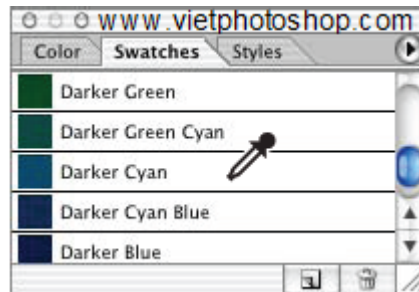
Rất dễ dàng để chọn màu phải không? dù cho trong Photoshop có vô khối cách để chọn màu. Tuy nhiên, bạn sẽ sử dụng một màu cho phần này của bài học.

5. Trên hộp công cụ chọn công cụ Type. Nhấn vào mũi tên trên Swatches Palette để mở Palette Menu và chọn lệnh Small List.



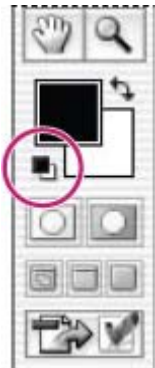
6. Chọn công cụ Type và chọn lại chữ, như bạn làm ở bước 1 và 2.

7. Trong Swatches palette, kéo xuống phía cuối của các ô màu và chọn màu có tên là Darker Cyan.



Bây giờ chữ của bạn có màu Daker Cyan.

8. Chọn công cụ Hand để bỏ chọn chữ. Sau đó nhấp chuột vào biểu tượng Default Foreground And Background Color trong hộp công cụ để chuyển màu nền trước thành màu đen.



Chuyển lại màu mặc định cho nền trước không làm thay đổi màu của chữ, vì bạn đã bỏ chọn chữ ở bước trên rồi.

Bây giờ bạn có thể đóng tài liệu này lại bởi vì bạn đã hoàn thành phần này rồi. Bạn có thể lưu lại file hoặc không, hoặc lưu nó lại với một tên và vị trí khác như bạn làm ở trên.

Bạn đã hoàn thành phần thứ 2 - giỏi quá! vỗ tay lộp bộp lộp bộp!

Lệnh Undo trong Photoshop

Trong thế giới của sự hoàn hảo, bạn sẽ không bao giờ mắc sai lầm. Bạn sẽ không bao giờ chọn sai công cụ. Bạn có thể dự đoán trước được ý tưởng thiết kế của bạn sẽ như thế nào khi thành sản phẩm chính xác tới từng đường tơ kẽ tóc. Trong một thế giới như vậy, bạn sẽ không bao giờ phải quay lại cả.

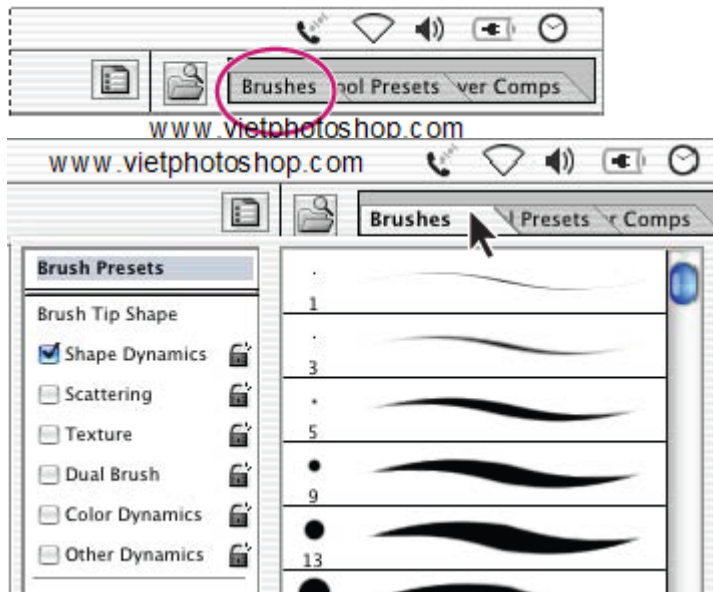
Nhưng trong thế giới thực, Photoshop và ImageReady cho phép bạn quay lại và Undo những thao tác trước để bạn có thể thử lại những lựa chọn khác. Phần tiếp theo của bài học này sẽ để bạn tự kiểm nghiệm một cách thoải mái nhất.

Phần này cũng giới thiệu sơ lược về Layer, là một thành phần cơ bản nhất và mạnh mẽ nhất của Photoshop. Có rất nhiều loại Layer trong Photoshop, một vài trong số đó có chứa hình ảnh, chữ, màu sắc và một vài những layer khác lại chỉ đơn thuần kết hợp với layer nằm dưới nó. Tài liệu trong phần này có cả hai loại layer đó. Bạn không cần phải hiểu toàn bộ về layer để theo bài học này, cho nên bạn đừng quá bận tâm về nó. Bạn sẽ học thêm về layer trong Chương 5 - Cơ bản về Layer và Chương 11 - Những kỹ năng layer tiên tiến, và cách sử dụng một layer này để điều khiển layer khác trong Chương 10 - Vector Mask, Path và Shapes.

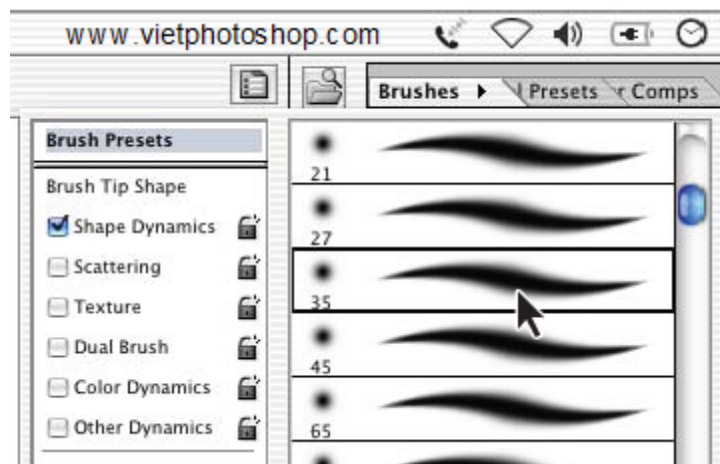
Undo một thao tác

Thậm chí ngay cả người mới biết dùng máy tính cũng rất nhanh chóng học được cách sử dụng và quen thuộc với lệnh Undo.

1. Chọn nút File Browser trên thanh tùy biến công cụ và mở tài liệu trong thư mục Lesson01/Project3
2. Trong cửa sổ thumbnail, chọn tài liệu 01End3.psd để bạn nhìn thấy trước kết quả.
Bạn hãy chú ý đến những layer trong Layer Palette. Cấu trúc của layer bao gồm một Clipping Mask, nó có tác dụng gần như là một vùng lựa chọn, giới hạn những vùng của tấm hình mà có thể được thay đổi. Với Clipping Mask, bạn có thể tô vẽ lên cả vật của "bố già" mà không sợ ảnh hưởng đến các vùng khác vì những nét thừa. Layer Tie Design được chọn, bởi vì nó là layer mà bạn sẽ thay đổi trong phần này.
3. Trong hộp công cụ chọn công cụ Brush hoặc nhấn B để chọn nó bằng phím tắt.
4. Trong thanh tùy biến công cụ, chọn thẻ Brushes trong Palette Well để tạm thời mở Brushes Palette.

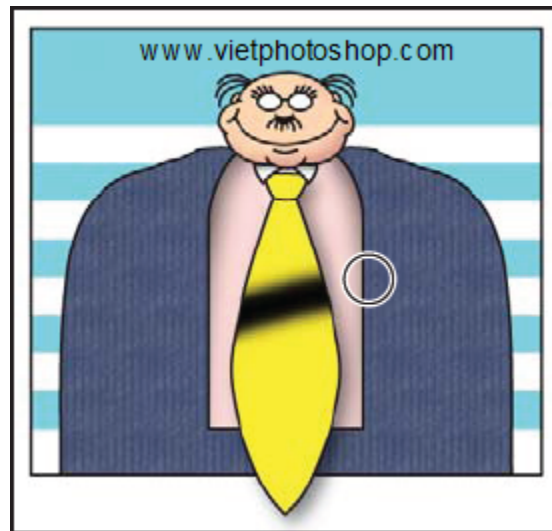


5. Kéo xuống dưới danh sách những brush và chọn brush Soft Round 35-pixel. (Tên của brush sẽ xuất hiện khi bạn di chuột lên hình của nó)



Nếu bạn muốn thử với brush khác, cũng OK, nhưng trong bài này, bạn nên chọn brush khoảng 35 Pixel hay trong tầm từ 20 đến 50 Pixel.

6. Di chuyển con trỏ qua tấm hình để nó biến thành vòng tròn với đường kính bạn chọn ở bước 5. Sau đó bạn vẽ một đường ở chỗ nào bạn muốn trên nền chiếc cà vạt vàng. Bạn không phải sợ sẽ vẽ trượt ra ngoài, vì brush không thể vẽ ra ngoài Clipping Mask.



Oops! đường kẻ của bạn có thể rất đẹp, nhưng trong hình mẫu là hình tròn, do vậy bạn cần loại bỏ nó.

7. Chọn Edit > Undo Brush Tool hoặc nhấn Ctrl-Z để Undo thao tác vừa rồi.

Cà vạt bây giờ lại là màu vàng và vạch đen biến mất. Bạn sẽ học thêm về Clipping Mask ở Chương 10 - Vector Mask, Path và Shape và Chương 11 - Những kỹ thuật layer tiên tiến.

Undo nhiều thao tác trong Photoshop

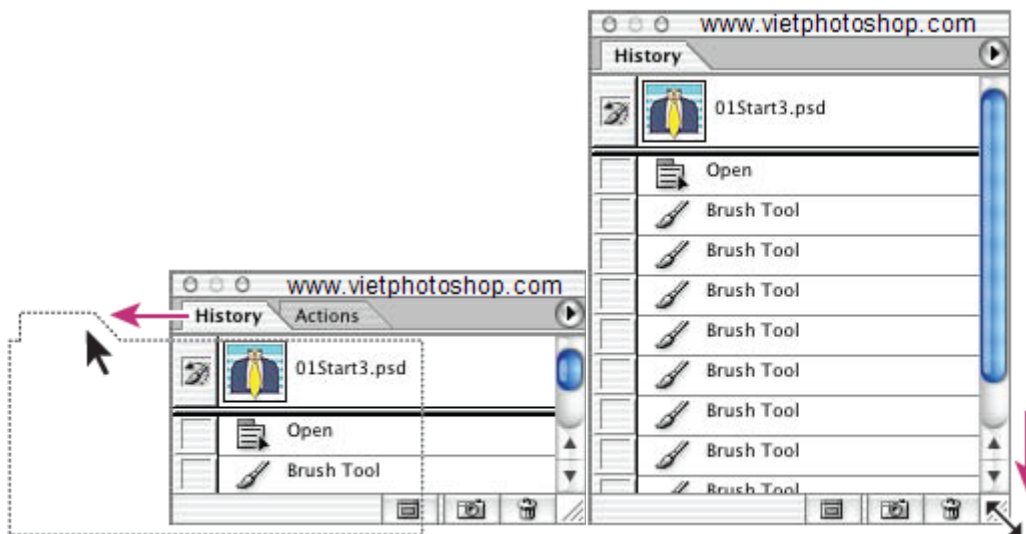
Lệnh Undo trong Photoshop chỉ có thể Undo một bước, bởi vì những tài liệu trong Photoshop thường có dung lượng khá lớn, do vậy nếu nhớ nhiều bước Undo có thể ngốn rất nhiều bộ nhớ và làm giảm hiệu suất làm việc.

Tuy nhiên, bạn vẫn có thể Undo nhiều thao tác nhờ vào History Palette.

1. Vẫn dùng brush như ở trên, nhấp chuột một lần vào cà vạt để tạo chấm tròn.
2. Nhấp thêm vài lần nữa trong những vùng khác để tạo thêm nhiều hình chấm.



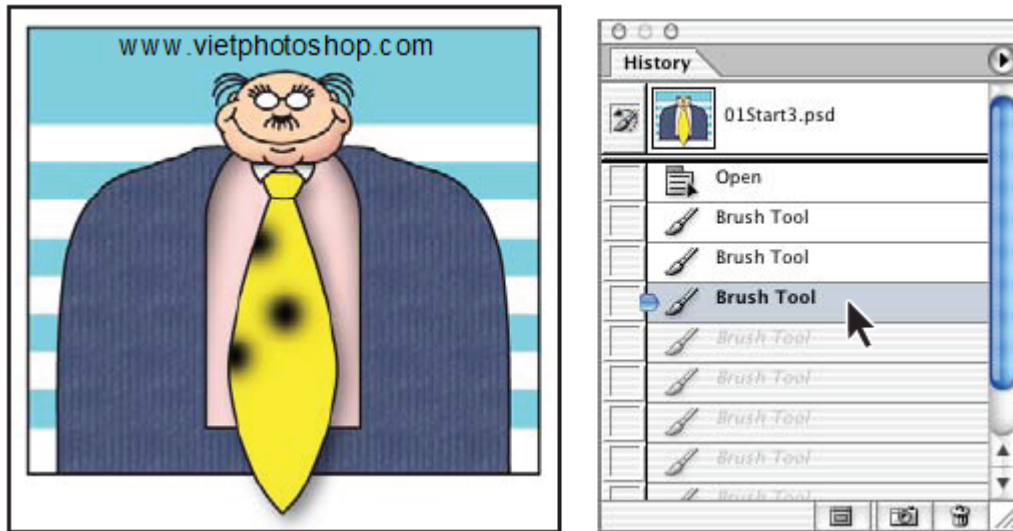
Sử dụng thẻ History Palette, kéo nó từ nhóm Palette của nó đến một vị trí gần với những Palette khác. Sau đó kéo góc dưới bên phải của History Palette để mở rộng nó ra, do vậy bạn có thể nhìn thấy nhiều bước hơn. (Cách tách biệt và mở rộng này chỉ để bạn thêm tiện lợi khi dùng).



Bạn cũng có thể mở rộng History Palette bằng cách nhấp chuột vào nút Minimize/Maximize trong thanh tiêu đề của Palette. Nó sẽ chỉnh lại kích thước của Palette để tất cả những thao tác bạn làm đều được nhìn thấy.

History Palette ghi lại những thao tác gần nhất mà bạn tiến hành trên tấm hình. Thao tác hiện thời đang được chọn ở dưới cuối cùng của Palette.

4. Nhấp vào một thao tác nào đó trong History Palette, và quan sát những thay đổi mà nó gây ra trong cửa sổ hình ảnh, một vài thao tác trước đây đã được Undo.



5. Trong cửa sổ hình ảnh, tạo một chấm mới trên cà vạt với công cụ Brush.

Bạn hãy chú ý đến History palette đã loại bỏ những thao tác bị mờ đi mà ở hình trên nằm dưới mũi tên đen, bây giờ đã được thêm vào một thao tác mới.

6. Chọn Edit > Undo Brush Tool hoặc nhấn Ctrl-Z để Undo dấu chấm bạn vừa tạo ở bước 5.

Bây giờ History Palette lại xuất hiện những trạng thái mờ.

7. Chọn thao tác ở dưới cùng của History Palette.

Bây giờ tấm hình lại quay về trạng thái của bước 2.

Bởi mặc định, Photoshop History Palette chỉ có 20 thao tác gần đây nhất. Đây cũng là một cách để cân bằng giữa tính linh hoạt và hiệu suất làm việc. Bạn có thể thay đổi số lượng thao tác bằng cách chọn Edit > Preferences > General và gõ một số khác vào tùy chọn History Palette.

Bạn sẽ học thêm về History Palette trong Chương 7 - Chỉnh sửa và sửa ảnh.

Về lệnh Undo trong ImageReady

Trong ImageReady có nhiều bước Undo được ghi nhớ lại hơn trong Photoshop. Bạn có thể quay lại những thao tác gần đây nhất bằng cách nhấn Ctrl-Z hoặc sử dụng lệnh Undo lặp đi lặp lại nhiều lần. Hoặc bạn có thể tiến tới thao tác bạn muốn giữ lại bằng cách vào Edit > Redo <tool> hoặc nhấn Ctrl-Shift-Z

Những bước Undo được ghi nhớ trong ImageReady theo mặc định là 32 bước. Bạn có thể thay đổi nó

bằng cách chọn Edit > Preference > General và gõ một số khác vào tùy chọn Undo Levels. Thêm một giá trị lớn hơn để tăng các bước được ghi nhớ và nhỏ hơn để giảm đi.

Sử dụng menu ngữ cảnh

Menu ngữ cảnh là dạng menu ngắn phù hợp với những thành phần cụ thể trong môi trường làm việc. Những menu này đôi khi được biết đến như là "*menu chuột phải*" hoặc "*menu tắt*". Thường thì những lệnh có trong menu ngữ cảnh cũng có đâu đó trong môi trường làm việc, nhưng tất nhiên nếu bạn sử dụng menu ngữ cảnh thì sẽ tiết kiệm được thời gian.

1. Nếu công cụ Brush không được chọn, chọn nó trên hộp công cụ.
2. Trong cửa sổ hình ảnh, nhấp chuột phải vào bất cứ chỗ nào của tấm hình để mở menu ngữ cảnh của công cụ Brush.



Menu ngữ cảnh khác với chữ của nó, cho nên những gì xuất hiện có thể là menu của một lệnh hoặc một tập hợp tùy chọn giống như Palette. Dưới đây là một dạng như thế

3. Chọn một brush nhỏ hơn khoảng Hard Round 5 Px. Bạn có thể phải kéo thanh cuộn lên xuống trong danh sách của menu ngữ cảnh một chút để tìm thấy brush thích hợp
4. Trong cửa sổ hình ảnh, sử dụng brush được chọn để tạo ra những chấm nhỏ hơn cho cà vạt.

Chú ý: Nhấp vào bất cứ vùng nào trong vùng làm việc để đóng menu ngữ cảnh lại. Nếu vùng bạn cần vẽ bị che khuất bởi menu ngữ cảnh của công cụ Brush, nhấp vào một vùng khác hoặc nhấp đúp vào lựa chọn của bạn trong menu ngữ cảnh để đóng nó lại.

5. Thêm vài dấu chấm nữa trên cà vạt



6. Bạn có thể sử dụng lệnh Undo và sử dụng History Palette để quay trở lại những thao tác trước của mình để sửa lỗi hoặc làm lại lần khác.

Bạn đã hoàn thành thêm project 3 rồi! bạn có thể lưu lại file nếu bạn thích và dùng những cách đã được hướng dẫn ở trên để lưu lại hình.

Thông tin thêm về các Palette và vị trí của Palette

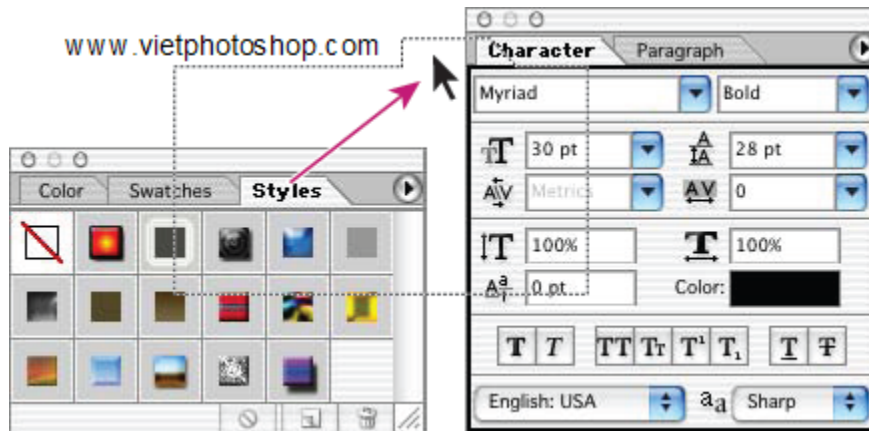
Những Palette của Photoshop và ImageReady rất mạnh mẽ và khác biệt với nhau. Bạn rất hiếm khi có một dự án nào mà phải mở tất cả các Palette cùng một lúc. Đó là lý do tại sao các Palette được nhóm vào thành nhóm và có những cái không được mở khi bạn khởi động Photoshop.

Danh sách đầy đủ của các Palette xuất hiện trong menu Window, với một dấu kiểm xuất hiện bên cạnh tên của nó có nghĩa rằng Palette đó đang được mở trong vùng làm việc. Bạn có thể mở một Palette được đóng hoặc đóng một Palette được mở bằng cách chọn tên của Palette đó trong menu Window. Bạn có thể ẩn toàn bộ các Palette một lúc bao gồm cả thanh tùy biến công cụ và hộp công cụ bằng cách nhấn phím Tab. Để hiển thị lại chúng nhấn phím Tab thêm lần nữa.

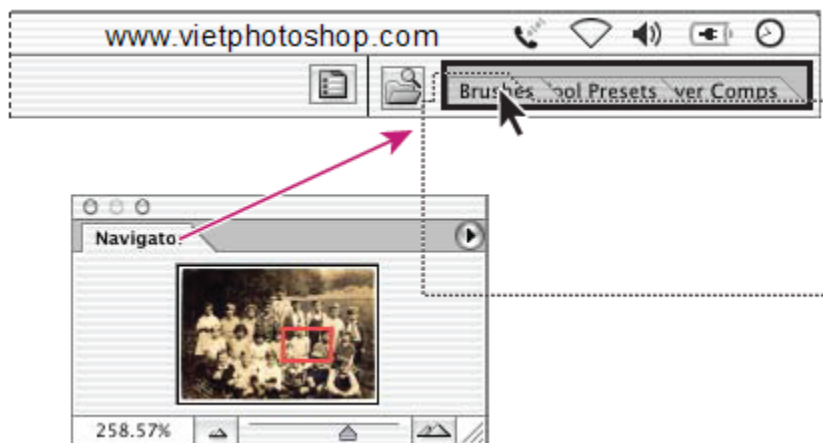
Bạn đã sử dụng Palette Well khi bạn mở Brush Palette cho bài tập số 3. Bạn có thể kéo các Palette vào hoặc ra khỏi Palette Well. Điều này rất tiện lợi cho những Palette lớn (Brush Palette) hoặc những Palette ít dùng hơn nhưng bạn muốn giữ nó ở vị trí thuận tiện.

Những thao tác bạn có thể sử dụng để sắp xếp Palette bao gồm:

- Di chuyển hoàn toàn một nhóm Palette, kéo thanh tiêu đề đến một vị trí khác trong vùng làm việc.
- Di chuyển một Palette đến một nhóm khác, kéo thẻ Palette đó đến một nhóm Palette khác cho đến khi một đường viền màu đen xuất hiện bên trong nhóm và thả chuột.



- Để nhóm một Palette vào Palette Well trong thanh tùy biến công cụ của Photoshop, kéo thẻ của Palette đó vào Palette Well cho đến khi Palette Well được tô sáng.

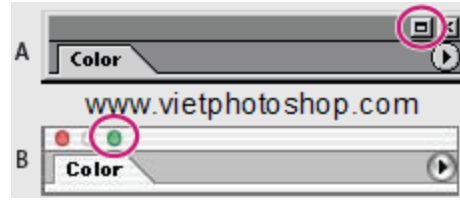


Chú ý: Trong Photoshop CS, File Browser là một cửa sổ chứ không phải Palette, do vậy bạn không nhóm được nó vào Palette Well.

Mở rộng và thu nhỏ một Palette

Bạn cũng có thể định lại kích thước của một Palette để nhìn thấy nhiều hơn hoặc ít hơn những tùy chọn có trong nó bằng cách kéo hoặc nhấp chuột để thay đổi giữa những kích thước định trước.

- Để thay đổi chiều cao của Palette, kéo góc dưới bên phải của nó.
- Để mở rộng một Palette nhấp vào nút minimize/maximize.



- Để thu nhỏ một nhóm Palette chỉ để thẻ và thanh tiêu đề của nó được hiển thị, nhấp đúp vào thẻ Palette hoặc thanh tiêu đề của nó. Nhấp đúp lần nữa sẽ trả lại kích thước cũ của nó.
- (ImageReady) để mở rộng những Palette với mũi tên hai đầu trên thẻ của nó, nhấp vào biểu tượng đó.

Chú ý rằng thẻ của các palette trong một nhóm và nút cho Palette menu vẫn được hiển thị khi palette đó được thu nhỏ.

Lưu ý: Bạn không thể định lại kích thước cho các Palette sau trong Photoshop: Info, Color, Character và Paragraph. Trong ImageReady Optimized, Info, Color, Layer Option, Character, Paragraph, Slice và Image Map.

Một chú ý quan trọng cho hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ

Hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ có những đặc điểm tương đồng với những Palette khác

- Bạn có thể kéo hộp công cụ bằng cách giữ chuột vào thanh tiêu đề đến một vị trí khác trong vùng làm việc. Bạn có thể di chuyển thanh tùy biến công cụ đến một vị trí khác bằng cách kéo phần gạch gạch ở tận cùng bên trái của thanh đó.
- Bạn có thể ẩn hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ

Tuy nhiên, có những thuộc tính khác của Palette mà bạn không áp dụng được với hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ:

- Bạn không thể nhóm hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ với những Palette khác.
- Bạn không thể định lại kích thước của hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ.
- Bạn không thể nhóm hộp công cụ vào Palette Well. Và như là điều tất nhiên bạn không thể nhóm thanh tùy biến công cụ vào Palette Well, vì bản thân Palette Well nằm trong thanh tùy biến công cụ.
- Hộp công cụ và thanh tùy biến công cụ không có Menu Palette.

Nhảy sang ImageReady

Bây giờ bạn sẽ nhảy sang ImageReady, nhảy qua lại giữa hai ứng dụng là một cách dễ nhất để sử dụng những tính năng độc nhất của mỗi ứng dụng - đặc biệt khi bạn chuẩn bị những hình đồ họa web.

Chú ý: ImageReady có khuynh hướng dùng cho web, cho nên nó tự động giảm độ phân giải của nó xuống còn 72dpi. Nếu bạn muốn giữ độ phân giải cao, bạn nên sử dụng Photoshop.

1. Nhảy sang ImageReady bằng những cách sau:

- Mở ImageReady mà không huỷ bỏ những tùy chọn có sẵn, chọn nút Jump To ImageReady trong hộp công cụ của Photoshop.
- Để huỷ bỏ tùy chọn có sẵn, giữ phím Ctrl-Alt-Shift và sau đó chọn nút Jump To ImageReady trong hộp công cụ của Photoshop. Khi bạn được hỏi có muốn xoá những tùy chọn có sẵn chọn Yes.

Bạn có thể nhảy qua lại giữa Photoshop và ImageReady để chuyển hình ảnh giữa hai ứng dụng để chỉnh sửa mà không cần phải đóng hoặc thoát khỏi ứng dụng. Bạn cũng có thể nhảy từ ImageReady sang các ứng dụng đồ họa và các trình thiết kế web khác trong hệ thống của bạn. Để biết thêm thông tin về cách nhảy sang các ứng dụng khác từ ImageReady, xem Photoshop Help.

2. Trong ImageReady nhấn nút Jump to Photoshop trên hộp công cụ để quay lại Photoshop.

Mỗi lần bạn chuyển như vậy thì tấm hình sẽ được cập nhật từ những thay đổi giữa hai ứng dụng, một trạng thái mới được thêm vào History Palette.

Chú ý: bạn có thể làm lại toàn bộ bài tập trong chương này trong ImageReady thay vì trong Photoshop, nhưng nếu vậy bạn phải chú ý đến một vài khác biệt giữa chúng. Khác biệt lớn nhất là File Browser chỉ có trong Photoshop, những khác biệt khác giữa Photoshop và ImageReady ảnh hưởng đến bài học này là: Bài tập 1 bạn phải sử dụng lệnh Hue/Saturation và giảm thanh trượt Lightness để làm tấm hình tối đi thay vì dùng lệnh Curves; Bài tập 2 lựa chọn Small List không có trong menu Swatch Palette, bài tập 3 bạn phải sử dụng Palette xổ ra trên thay tùy biến công cụ để chọn kích thước brush (trong ImageReady không có Brush Palette).

Sử dụng Photoshop Help

Để có đầy đủ thông tin về cách sử dụng Palette, công cụ và các tính năng khác của ứng dụng, bạn nên xem phần Photoshop Help. Adobe Photoshop Help (bao gồm cả những chủ đề của ImageReady và ngược lại) bao gồm một danh sách đầy đủ những phím tắt, những câu hỏi "làm sao để ..", tutorials, giải thích những khái niệm của Photoshop và ImageReady, giải thích tính năng và còn nhiều hơn thế nữa.

Phần giúp đỡ của Photoshop rất dễ sử dụng, bởi vì bạn có thể tìm topic theo những cách sau:

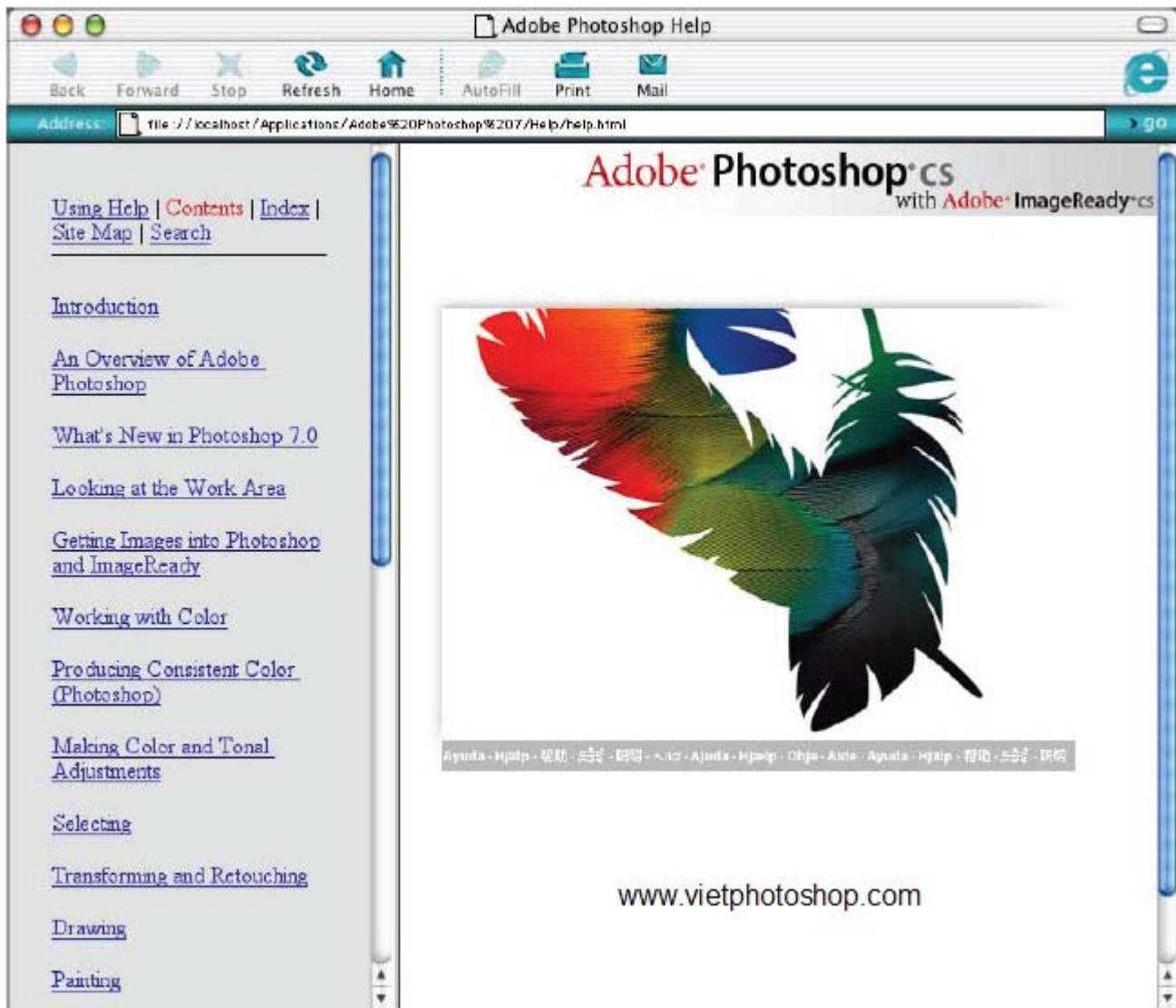
- Xem mục lục
- Tìm với từ khoá
- Sử dụng trang index
- Nhảy từ topic này sang topic khác sử dụng những đường liên kết có cùng nội dung.

Trước hết, bạn sẽ thử xem một chủ đề sử dụng Contents

1. Chọn Help > Photoshop Help (Photoshop) hoặc Help > ImageReady Help (ImageReady).

Chú ý: Trong Windows, bạn cũng có thể mở Photoshop Help bằng cách nhấn F1.

Trình duyệt web mặc định của bạn sẽ mở ra. Những chủ đề sẽ xuất hiện ở frame bên trái của cửa sổ trình duyệt.



2. Trong frame bên trái của cửa sổ giúp đỡ, kéo xuống để đọc lướt qua nội dung của nó. Nội dung được sắp xếp theo chủ đề như từng chương của một cuốn sách.
3. Gần trên cùng của danh sách các chủ đề ở cột bên trái, chọn **Looking at the Work area**. Chủ đề "Looking at the work Area" xuất hiện ở cột bên phải bao gồm một danh sách các chủ đề cụ thể.
4. Trong cột bên phải, nhấp chuột vào *Using the toolbox* để mở chủ đề đó.
5. Gần phía dưới của chủ đề "Using the tool box", nhấp vào Toolbox overview để mở chủ đề này. Một hình minh họa của rất nhiều công cụ xuất hiện với những lời giải thích ngắn gọn cho từng công cụ.
6. Ở bên trái của chủ đề, ở trên cùng hoặc ở dưới, nhấn vào chữ Next để sang chủ đề kế tiếp: *Toolbox Overview*.

Những chủ đề trợ giúp là dạng giao diện với người dùng. Bạn có thể nhấp chuột vào đường liên kết để nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác. Bất cứ khi nào bạn di chuyển con trỏ qua những đường link hoặc một hotspot, con trỏ chuột sẽ biến thành biểu tượng bàn tay.

7. Nhấp chuột vào tên của một trong những công cụ để mở chủ đề liên quan đến công cụ đó. (Tên công cụ được tô màu và có gạch chân trong chủ đề tổng quan về hộp công cụ, chỉ ra rằng nó được liên kết với một trang khác)

Sử dụng từ khoá, đường liên kết và mục lục chỉ thị của phần trợ giúp

Nếu bạn không tìm được chủ đề mà bạn quan tâm khi đọc lướt qua trang nội dung, bạn có thể thử tìm kiếm với một từ khoá.

1. Ở phần trên cùng của ô bên trái, nhấn vào từ *Search*.

Một hộp văn bản xuất hiện ở bên cột bên trái.

2. Gõ từ khoá trong hộp văn bản ví dụ như *Lasso* và sau đó nhấn nút Search. Sau một khoảng thời gian ngắn, một danh sách của các chủ đề xuất hiện dưới hộp văn bản ở cột bên trái. Để xem những topic này, nhấp vào tên topic.

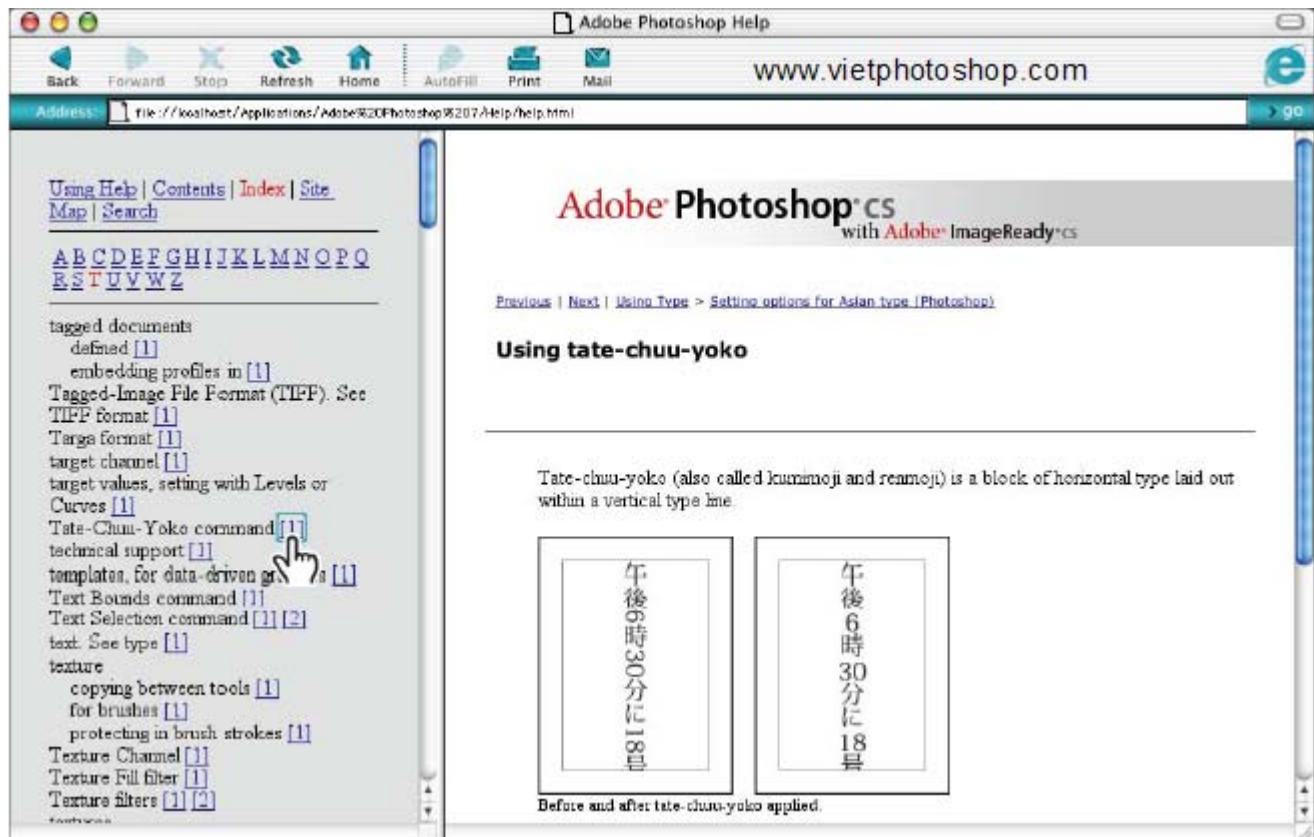
Bạn có thể tìm kiếm với chủ đề sử dụng mục lục chỉ thị.

3. Ở phần trên của cửa sổ bên trái, nhấp vào từ Index. Một danh sách theo thứ tự alphabe xuất hiện dọc theo ô bên trái bắt đầu từ chữ A.

4. Nhấn chuột vào chữ khác như là chữ "T" để hiển thị những mục nhỏ hơn trong chữ đó.

Những mục nhỏ hơn này được sắp xếp theo thứ tự Alphebe bởi tên chủ đề và phụ đề, giống như trang mục lục của một cuốn sách. Bạn có thể kéo xuống dưới để xem những mục nhỏ bắt đầu bằng chữ T.

5. Nhấn vào số [1] gần một mục nhỏ để mở chủ đề đầu tiên về mục nhỏ đó. (nếu có nhiều hơn một số, nhấn vào số [2] hoặc [3] để mở chủ đề thứ 2 và 3.



6. Khi bạn quan sát xong, đóng trình duyệt để đóng Photoshop Help.

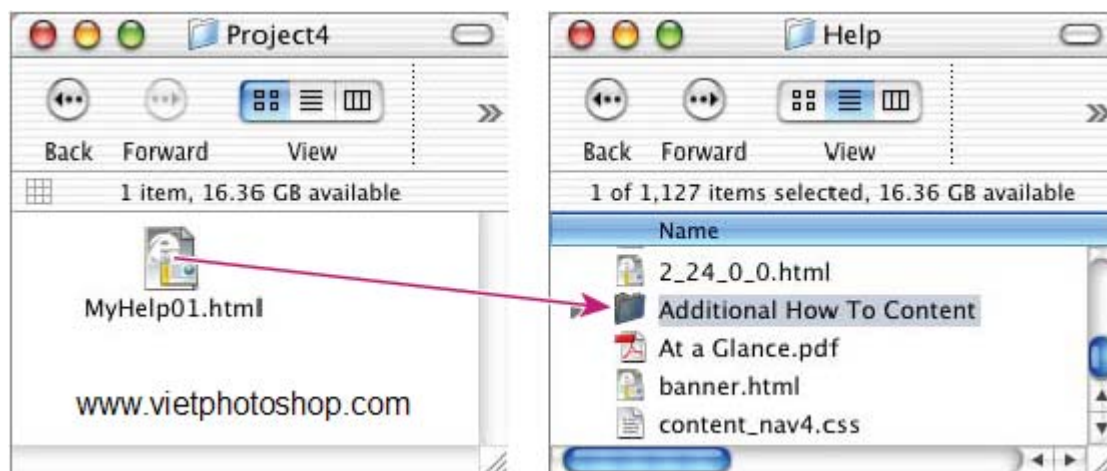
Tạo chủ đề trợ giúp tùy chọn

Bạn có thể tự mình tạo ra chủ đề trợ giúp cho Adobe Photoshop CS và ImageReady CS. Chủ đề của bạn sẽ xuất hiện ở dưới cùng của menu trợ giúp Photoshop và ImageReady. Nó cho phép bạn dễ dàng hơn trong việc chia sẻ thông tin với bạn bè hoặc với đồng nghiệp về nội quy của nhóm, tiêu chuẩn của nhóm, tài liệu tham khảo hoặc kỹ năng sử dụng bởi vì bạn có thể gửi chủ đề trợ giúp của bạn cho người khác và họ có thể thêm vào Photoshop CS của họ. Nếu bạn tự thay đổi phím tắt trong Photoshop và ImageReady, một chủ đề trợ giúp đặc biệt ghi lại những phím tắt này có thể rất có ích sau này cho bạn.

Chủ đề trợ giúp của bạn có thể là bất cứ một trang HTML nào, ở trong máy tính của bạn hay trong mạng nội bộ hoặc thậm chí trên Internet. Để tạo ra một trang cho riêng bạn, bạn cần những ứng dụng làm web. Như là Adobe GoLive hoặc kiến thức về HTML. Trong bài học này, bạn không cần phải quan tâm đến điều đó, bởi vì chủ đề đó đã được tạo cho bạn.

1. Tìm đến thư mục Lesson1/Project4.

2. Kéo tài liệu MyHelp01.html vào thư mục Additional How To Content, nằm trong Programs/Adobe/Photoshop CS/Help



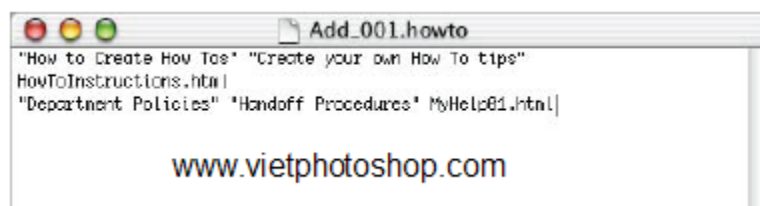
3. Khởi động trình soạn thảo văn bản như NotePad hoặc Wordpad hoặc một trình xử lý văn bản nào khác.

4. Chọn File > Open

5. Trong hộp thoại Open, làm những việc sau:

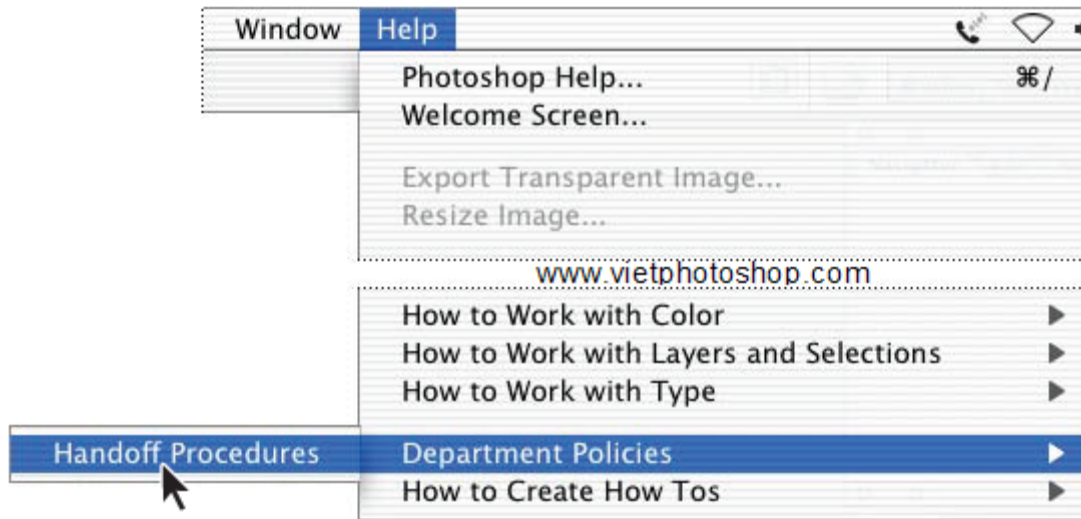
- Vào thư mục Additional How To Content.
- Trong menu xổ ra Files ở Type, chọn All Files.
- Chọn file Add_001.howto.
- Nhấn Open.

6. Đặt con trỏ ở dòng cuối cùng của văn bản sau đó nhấn Enter để bắt đầu một đoạn văn mới và gõ (bao gồm cả dấu trích " " như trong hình) "Department Policies""Handoff Procedures"Myhelp01.html



7. Chọn File > Save và sau đó thoát khỏi trình soạn thảo văn bản.

khi bạn khởi động lại Photoshop, một hạng mục tùy chọn (menu phụ) và một chủ đề xuất hiện trên menu Help. Bạn có thể chọn chủ đề Handoff Procedures để mở tài liệu đó trong trình duyệt web.





Văn bản mà bạn vừa thêm vào ở tài liệu Add_001.howto tạo ra menu phụ (hạng mục Department Policies) xuất hiện trong menu Help. Tên chủ đề (Handoff Procedures) xuất hiện trong menu phụ Department Policies.

Bạn có thể xác định thêm nhiều hạng mục nữa và thêm nhiều chủ đề vào cho nó bằng cách tạo thêm những nhập chỉ mục trong tài liệu Add_10.howto. Bạn cũng có thể thay đổi menu Help với lệnh, lệnh này có thể chỉ đến một trang web HTML trong mạng nội bộ, miễn là bạn chỉ ra đường dẫn rõ ràng trong file .howto đó.

Khi bạn tạo một chủ đề, bạn có thể sử dụng template có sẵn trong thư mục Additional How To Content. Những template này sử dụng hình đồ họa được bao gồm trong Photoshop Help cho nên nhìn chủ đề tự tạo của bạn có tính thống nhất và đồng bộ hơn. Xem Photoshop Help để biết thêm chi tiết.

Sử dụng dịch vụ Adobe trực tuyến

Một cách khác để lấy thông tin về Adobe Photoshop hoặc những sản phẩm khác của Adobe là sử dụng dịch vụ trực tuyến Adobe. Nếu bạn có kết nối Internet, bạn có thể truy cập vào trang chủ của Adobe System ở Mỹ qua địa chỉ www.adobe.com để có thêm thông tin về dịch vụ, sản phẩm hoặc những mẹo nhỏ khi sử dụng Photoshop.

1. Trong Photoshop hoặc ImageReady chọn Help > Adobe Online hoặc nhấn vào biểu tượng  (Photoshop) hoặc  (ImageReady) ở trên cùng của hộp công cụ.

2. Chọn Edit > Preferences > Adobe Online hoặc Photoshop > Preferences > Adobe Online (Mac OS) và điền vào những tùy biến mà bạn muốn sử dụng, bao gồm cả những thiết lập về menu Update Option xổ ra để cập nhật Adobe Online.

Khi bạn thiết lập xong, Adobe Online sẽ kết nối với trình duyệt web của bạn, Adobe có thể báo cho bạn biết có thông tin mới hay không hoặc tự động download thông tin về máy tính của bạn. Nếu bạn chọn không sử dụng tính năng tự động download của Adobe®, thì sau này bạn vẫn có thể xem và download tài liệu mới đó bất cứ khi nào nó còn có trên cửa sổ của Adobe Online.

3. Nếu bạn dùng trình duyệt web Netscape, nhấn vào nút bookmark trong hộp thoại Adobe Online để xem những trang web có liên quan đến Photoshop và Adobe. Những bookmark này sẽ tự động được cập nhật mỗi khi có một trang web mới xuất hiện.

4. Nhấn Close để quay lại Photoshop và ImageReady.

Sử dụng Adobe Online, bạn có thể tìm thông tin đặc biệt là Photoshop và ImageReady, bao gồm mẹo nhỏ và những kỹ thuật, thư viện hình ảnh bởi các nhà thiết kế của Adobe và những họa sĩ ở trên thế giới, những thông tin mới nhất về sản phẩm và những rắc rối cũng như những thông tin về kỹ thuật. Hoặc bạn có thể đọc những tin tức mới của hãng Adobe và các sản phẩm mới.

Chúc mừng bạn! bạn đã hoàn thành Chương 1.

Bây giờ bạn đã quen thuộc với vùng làm việc của Photoshop, bạn đã sẵn sàng để khám phá những tính năng của File Browser (Chương 2) hoặc thậm chí bạn có thể nhảy qua phần chỉnh sửa hình ảnh. Một khi bạn đã biết được căn bản, bạn có thể học cuốn sách này theo thứ tự từ chương đầu đến chương cuối hoặc bạn có thể nhảy sang các chương mà bạn thích.

Câu hỏi ôn tập

1. Miêu tả hai cách để thay đổi tầm nhìn của một tấm hình.
2. Bạn chọn công cụ trong Photoshop và ImageReady như thế nào?
3. Hai cách nào để lấy thêm thông tin về Photoshop và ImageReady?
4. Miêu tả 2 cách để tạo ra hình ảnh trong Photoshop và ImageReady
5. Bạn làm thế nào để nhảy từ Photoshop sang ImageReady và ngược lại?

Đáp án

1. Bạn có thể chọn lệnh từ menu View để phóng to hoặc thu nhỏ một tấm hình, hoặc bạn có thể làm cho nó phủ đầy cửa sổ hình ảnh, bạn cũng có thể sử dụng công cụ phóng đại và nhấp hoặc kéo chuột qua hình ảnh để phóng lớn hoặc thu nhỏ tầm nhìn. Hơn nữa, bạn có thể dùng lệnh gõ tắt để phóng đại hoặc thu nhỏ một tấm hình. Bạn cũng có thể sử dụng Navigator Palette để cuộn một tấm hình hoặc thay đổi độ phóng đại của nó mà không cần sử dụng cửa sổ hình ảnh.
2. Để chọn công cụ, bạn có thể chọn công cụ trong hộp công cụ hoặc bạn có thể nhấn phím tắt của công cụ đó. Công cụ đang dùng vẫn được chọn cho đến khi bạn chọn một công cụ khác. Để chọn một công cụ ẩn, bạn có thể sử dụng tổ hợp phím hoặc luân phiên nó đến công cụ mình cần, hoặc bạn có thể giữ chuột trên công cụ trong hộp công cụ để mở menu xổ ra của công cụ ẩn.
3. Adobe Photoshop bao gồm phần trợ giúp, với tất cả thông tin về Adobe Photoshop CS User Guide, bao gồm cả phím tắt, những thông tin thêm và hình minh họa. Photoshop cũng có đường liên kết với trang chủ của Adobe System để cho bạn có thêm thông tin về dịch vụ, sản phẩm và những mẹo nhỏ trong việc sử dụng Photoshop. ImageReady CS cũng có phần trợ giúp và đường liên kết đến trang chủ của Adobe.
4. Bạn có thể tạo ra hình ảnh trong Photoshop và ImageReady hoặc bạn có thể lấy hình từ bên ngoài như quét hình hoặc nhập hình được tạo bằng những trình đồ họa khác. Bạn cũng có thể nhập hình ảnh đã được kỹ thuật số hoá từ trước như là những hình được tạo ra bởi máy chụp kỹ thuật số hoặc bởi quá trình Kodak Photo CD.
5. Bạn có thể nhấp vào nút Jump to trong hộp công cụ hoặc chọn File Jump To để chuyển từ Photoshop sang ImageReady và ngược lại.

© **www.vietphotoshop.com** - Dịch bởi **Bá Tước Monte Cristo**

[|Trang chủ|](#) [|Chương 2|](#)

